

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không đúng** là:

- A. Metylamin, đimetyl amin, trimetyl amin và etylamin là chất khí ở điều kiện thường.
- B. Tơ nylon- 6,6 thuộc loại tơ poliamit.
- C. Dung dịch saccarozơ không tham gia phản ứng tráng bạc.
- D. Các peptit phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$ tạo hợp chất có màu tím

Câu 2: Trong các loại tơ sau: tơ nylon-6,6; tơ tằm; tơ axetat; tơ capron; sợi bông; tơ enant (nylon-7); tơ visco. Số tơ tổng hợp là:

- A. 3
- B. 2
- C. 4
- D. 5

Câu 3 : Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 4: Trong công nghiệp để chuyển hóa dầu thực vật thành mỡ rắn nhằm thuận tiện cho việc vận chuyển, người ta sử dụng phản ứng nào dưới đây:

- A. Tách nước
- B. Hidro hóa
- C. Đe hidro hóa
- D. Xà phòng hóa

Câu 5 : Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng nào dưới đây?

- A. Phản ứng với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , đun nóng.
- B. Phản ứng với dung dịch NaCl .
- C. Phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
- D. Phản ứng thủy phân trong môi trường axit.

Câu 6: Số đồng phân amin có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ là

- A. 2.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 3.

Câu 7 : Trong các chất dưới đây, chất nào có lực bazơ mạnh nhất ?

- A. NH_3
- B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{NH}_2$
- C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$
- D. $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$

Câu 8: Sau khi thủy phân không hoàn toàn tetrapeptit có công thức Val - Ala - Gly - Ala thu được tối đa bao nhiêu peptit có phản ứng màu biure?

- A. 2
- B. 1
- C. 3.
- D. 4.

Câu 9 Cho axit salixylic (axit o-hidroxi benzoic) phản ứng với metanol có axit sunfuric đặc làm xúc tác, thu được metyl salixylat ($\text{o-CH}_3\text{OOC-C}_6\text{H}_4\text{-OH}$) dùng làm thuốc xoa bóp giảm đau. Để phản ứng hoàn toàn với 30,4 gam metyl salixylat cần vừa đủ V lít dung dịch NaOH 0,5M. Giá trị của V là

- A. 0,4.
- B. 0,1.
- C. 0,2.
- D. 0,8

Câu 10: Để phân $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$; CH_3COOH ; $\text{H}_2\text{N-(CH}_2)_4\text{CH(NH}_2\text{)COOH}$ người ta dùng

- A. Na.
- B. NaOH .
- C. quì tím.
- D. HCl .

Câu 11: Đốt hoàn toàn 7,4 gam este đơn chất X thu được 6,72 lít CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . CTPT của X là

- A. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$
- B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$
- C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$
- D. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$

Câu 12: Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức , mạch hở X với 100 ml dd KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol. Tên gọi của X là

- A. etyl fomiat.
- B. etyl propionat.
- C. etyl axetat.
- D. propyl axetat.

Câu 13: Để trung hòa lượng axit tự do có trong 28 gam một mẫu chất béo cần 60 ml dung dịch KOH 0,05M. Chỉ số axit của mẫu chất béo trên là:

- A. 4
- B. 6
- C. 5
- D. 7

Câu 14: X là một amino axit no chỉ chứa 1 nhóm - NH_2 và 1 nhóm COOH . Cho 0,89 gam X tác dụng với HCl vừa đủ tạo ra 1,255 gam muối. Công thức cấu tạo của X là công thức nào sau đây?

- A. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$
- B. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)-COOH}$.
- C. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)-CH}_2\text{-COOH}$.
- D. $\text{C}_3\text{H}_7\text{-CH(NH}_2\text{)-COOH}$

Câu 15: Để sản xuất 29,7 gam xenlulozơ trinitrat (H = 75%) bằng phản ứng giữa dung dịch HNO₃ 60% với xenlulozơ thì khối lượng dung dịch HNO₃ cần dùng là:

- A. 42 kg B. 25,2 kg C. 31,5 kg D. 23,3 kg

Câu 16: Đun nóng 75 gam dung dịch glucozơ với lượng dư AgNO₃ trong dung dịch NH₃, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 12,96 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

- A. 11,4 % B. 14,4 % C. 13,4 % D. 12,4 %

Câu 17: ε - amino axit là amino axit mà nhóm amino gắn với cacbon ở vị trí thứ mấy?

- A 1 B 2 C 7 D 6.

Câu 18: Peptit sau: H₂NCH₂CONHCH(CH₃)CONHCH₂COOH được biểu diễn ở dạng nào dưới đây?

- A. Gly-Ala-Gly B. Gly-Gly-Ala C. Ala-Gly-Gly D. Ala-Gly-Ala

Câu 19: Số đồng phân tripeptit tạo thành từ 1 phân tử glyxin và 2 phân tử alanin là

- A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 20: Cho 9 gam etylamin (C₂H₅NH₂) tác dụng vừa đủ với axit HCl khối lượng muối thu được là

- A. 0,85 gam. B. 7,65 gam. C. 16,3 gam. D. 8,1 gam.

Câu 21: Để làm sạch ống nghiệm chứa anilin, ta thường rửa ống nghiệm bằng dung dịch nào trước khi rửa bằng nước

- A Dung dịch NaOH B Dung dịch HCl C Dung dịch NaCl D Xà phòng

Câu 22: Tên thay thế của Valin là:

- A Axit 2 – amino – 3 – metylbutanoic B Axit 2 – aminopropanoic
C Axit α - aminoisovaleric D Axit 1 – aminopentan – 1,4 – dioic

Câu 23 : Cho các chất hữu cơ: (1) CH₃COOH, (2) CH₃CH₂OH, (3) CH₃CH₂COOH, (4) HCOOCH₃. Thứ tự **giảm dần** nhiệt độ sôi là:

- A. 3, 1, 4, 2 B. 1, 3, 2, 4 C. 4, 2, 1, 3 D. 3, 1, 2, 4

Câu 24: Trong các hợp chất sau, hợp chất nào thuộc loại lipid?

- A. (C₁₇H₃₃COO)₂(C₁₇H₃₁COO)C₃H₅ B. (C₁₇H₃₅CO)₂C₃H₅
C. (C₆H₅COO)₃C₃H₅ D. (C₂H₅COO)₃C₃H₅

Câu 25: Cho các dung dịch sau cùng nồng độ mol/l : NH₂CH₂COOH (1), CH₃COOH (2), CH₃CH₂NH₂ (3), NH₃ (4). Thứ tự độ pH tăng dần đúng là :

- A. (2), (1), (4), (3) B. (1), (2), (3), (4) C. (1), (2), (4), (3) D. (2), (1), (3), (4)

Câu 26 Cho m gam hỗn hợp M gồm dipeptit X, tripeptit Y, tetrapeptit Z và pentapeptit T (đều mạch hở) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp Q gồm muối của Gly, Ala và Val. Đốt cháy hoàn toàn Q bằng một lượng oxi vừa đủ, thu lấy toàn bộ khí và hơi đem hấp thụ vào bình đựng nước vôi trong dư, thấy khối lượng bình tăng 14,47 gam và có 0,84 lít khí (đktc) thoát ra. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn m gam M, thu được 4,275 gam H₂O. Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây? A. 6,26 B. 6,08 C. 6,00 D. 5,98

Câu 27: Chất **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là

- A. toluen (C₆H₅-CH₃). B. stiren (C₆H₅-CH=CH₂).
C. propen (CH₂=CH-CH₃). D. isopren (CH₂=C(CH₃)-CH=CH₂).

Câu 28: Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

- A. CH₂=CHCOOCH₃. B. CH₂=C(CH₃)COOCH₃.
C. C₆H₅CH=CH₂. D. CH₃COOCH=CH₂.

Câu 29: CH₃COOCH=CH₂ có tên gọi là

- A. Metyl acrylat B. Vinyl axetat C. Metyl propionat D. Vinyl fomat

Câu 30 : Cacbohidrat là những hợp chất hữu cơ tạp chức và thường có công thức chung là

- A. R(OH)_x(CHO)_y B. C_xH_yO_z C. C_n(H₂O)_m D. C_nH₂O

Cho Ag(108), C(12), H(1), N(14), O(16), Na(23), Cl(35,5)

Câu 1: Sau khi thủy phân không hoàn toàn tetrapeptit có công thức Val - Ala - Gly - Ala thu được tối đa bao nhiêu peptit có phản ứng màu biure?

- A. 2 B. 1 C. 3. D. 4.

Câu 2: Cho axit salixylic (axit o-hiđroxibenzoic) phản ứng với metanol có axit sunfuric đặc làm xúc tác, thu được metyl salixylat ($o\text{-CH}_3\text{OOC-C}_6\text{H}_4\text{-OH}$) dùng làm thuốc xoa bóp giảm đau. Để phản ứng hoàn toàn với 30,4 gam metyl salixylat cần vừa đủ V lít dung dịch NaOH 0,5M. Giá trị của V là

- A. 0,4. B. 0,1. C. 0,2. D. 0,8

Câu 3: Tên thay thế của Valin là:

- A Axit 2 – amino – 3 – metylbutanoic B Axit 2 – aminopropanoic
C Axit α - aminoisovaleric D Axit 1 – aminopentan – 1,4 – dioic

Câu 4 : Cho các chất hữu cơ: (1) CH_3COOH , (2) $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$, (3) $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOH}$, (4) HCOOCH_3 . Thứ tự giảm dần nhiệt độ sôi là:

- A. 3, 1, 4, 2 B. 1, 3, 2, 4 C. 4, 2, 1, 3 D. 3, 1, 2, 4

Câu 5: Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

- A. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$. B. $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)\text{COOCH}_3$.
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$. D. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$.

Câu 6: $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ có tên gọi là

- A. Metyl acrylat B. Vinyl axetat C. Metyl propionat D. Vinyl fomát

Câu 7: Để phân $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$; CH_3COOH ; $\text{H}_2\text{N-(CH}_2)_4\text{CH(NH}_2\text{)COOH}$ người ta dùng

- A. Na. B. NaOH. C. quì tím. D. HCl.

Câu 8: Đốt hoàn toàn 7,4 gam este đơn chất X thu được 6,72 lít CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . CTPT của X là

- A. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$ B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ D. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$

Câu 9: Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức , mạch hở X với 100 ml dd KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol. Tên gọi của X là

- A. etyl fomiat. B. etyl propionat. C. etyl axetat. D. propyl axetat.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không đúng** là:

A. Metylamin, đimetyl amin, trimetyl amin và etylamin là chất khí ở điều kiện thường.

B. Tơ nilon- 6,6 thuộc loại tơ poliamit.

C. Dung dịch saccarozơ không tham gia phản ứng tráng bạc.

D. Các peptit phản ứng với $\text{Cu(OH)}_2/\text{OH}^-$ tạo hợp chất có màu tím

Câu 11: Trong các loại tơ sau: tơ nilon-6,6; tơ tằm; tơ axetat; tơ capron; sợi bông; tơ enant (nilon-7); tơ visco. Số tơ tổng hợp là:

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 5

Câu 12 : Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 13: Trong công nghiệp để chuyển hóa dầu thực vật thành mỡ rắn nhằm thuận tiện cho việc vận chuyển, người ta sử dụng phản ứng nào dưới đây:

- A. Tách nước B. Hidro hóa C. Đe hidro hóa D. Xà phòng hóa

Câu 14: Để trung hòa lượng axit tự do có trong 28 gam một mẫu chất béo cần 60 ml dung dịch KOH 0,05M. Chỉ số axit của mẫu chất béo trên là:

- A. 4 B. 6 C. 5 D. 7

Câu 15: Số đồng phân amin có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ là

- A. 2. B. 4. C. 5. D. 3.

Câu 16: Trong các chất dưới đây, chất nào có lực bazơ mạnh nhất ?

- A. NH_3 B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{NH}_2$ C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ D. $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$

Câu 17 : Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng nào dưới đây?

- A. Phản ứng với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , đun nóng.
B. Phản ứng với dung dịch NaCl .
C. Phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
D. Phản ứng thủy phân trong môi trường axit.

Câu 18: Cho 9 gam etylamin ($\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$) tác dụng vừa đủ với axit HCl khối lượng muối thu được là

- A. 0,85 gam. B. 7,65 gam. C. 16,3 gam. D. 8,1 gam.

Câu 19: Trong các hợp chất sau, hợp chất nào thuộc loại lipid?

- A. $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_2(\text{C}_{17}\text{H}_{31}\text{COO})\text{C}_3\text{H}_5$ B. $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{CO})_2\text{C}_3\text{H}_5$
C. $(\text{C}_6\text{H}_5\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$ D. $(\text{C}_2\text{H}_5\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$

Câu 20: Cho các dung dịch sau cùng nồng độ mol/l : $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ (1), CH_3COOH (2), $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{NH}_2$ (3), NH_3 (4). Thứ tự độ pH tăng dần đúng là :

- A. (2), (1), (4), (3) B. (1), (2), (3), (4) C. (1), (2), (4), (3) D. (2), (1), (3), (4)

Câu 21 Cho m gam hỗn hợp M gồm dipeptit X, tripeptit Y, tetrapeptit Z và pentapeptit T (đều mạch hở) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp Q gồm muối của Gly, Ala và Val. Đốt cháy hoàn toàn Q bằng một lượng oxi vừa đủ, thu lấy toàn bộ khí và hơi đem hấp thụ vào bình đựng nước vôi trong dư, thấy khối lượng bình tăng 14,47 gam và có 0,84 lít khí (đktc) thoát ra. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn m gam M, thu được 4,275 gam H_2O . Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây? A. 6,26 B. 6,08 C. 6,00 D. 5,98

Câu 22: Chất **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là

- A. toluen ($\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH}_3$). B. stiren ($\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH=CH}_2$).
C. propen ($\text{CH}_2\text{=CH-CH}_3$). D. isopren ($\text{CH}_2\text{=C(CH}_3\text{)-CH=CH}_2$).

Câu 23: Để sản xuất 29,7 gam xenlulozơ trinitrat ($\text{H} = 75\%$) bằng phản ứng giữa dung dịch HNO_3 60% với xenlulozơ thì khối lượng dung dịch HNO_3 cần dùng là:

- A. 42 kg B. 25,2 kg C. 31,5 kg D. 23,3 kg

Câu 24: Đun nóng 75 gam dung dịch glucozơ với lượng dư AgNO_3 trong dung dịch NH_3 , sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 12,96 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

- A. 11,4 % B. 14,4 % C. 13,4 % D. 12,4 %

Câu 25: X là một amino axit no chỉ chứa 1 nhóm - NH_2 và 1 nhóm COOH . Cho 0,89 gam X tác dụng với HCl vừa đủ tạo ra 1,255 gam muối. Công thức cấu tạo của X là công thức nào sau đây?

- A. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$ B. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)-COOH}$.
C. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)-CH}_2\text{-COOH}$. D. $\text{C}_3\text{H}_7\text{-CH(NH}_2\text{)-COOH}$

Câu 26: Để làm sạch ống nghiệm chứa anilin, ta thường rửa ống nghiệm bằng dung dịch nào trước khi rửa bằng nước

- A Dung dịch NaOH B Dung dịch HCl C Dung dịch NaCl D Xà phòng

Câu 27 : Cacbohidrat là những hợp chất hữu cơ tạp chức và thường có công thức chung là

- A. $\text{R(OH)}_x(\text{CHO})_y$ B. $\text{C}_x\text{H}_y\text{O}_z$ C. $\text{C}_n(\text{H}_2\text{O})_m$ D. $\text{C}_n\text{H}_2\text{O}$

Câu 28: ϵ - amino axit là amino axit mà nhóm amino gắn với cacbon ở vị trí thứ mấy?

- A 1 B 2 C 7 D 6.

Câu 29: Peptit sau: $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}(\text{CH}_3)\text{CONHCH}_2\text{COOH}$ được biểu diễn ở dạng nào dưới đây?

- A. Gly-Ala-Gly B. Gly-Gly-Ala C. Ala-Gly-Gly D. Ala-Gly-Ala

Câu 30: Số đồng phân tripeptit tạo thành từ 1 phân tử glyxin và 2 phân tử alanin là

- A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

Cho $\text{Ag}(108)$, $\text{C}(12)$, $\text{H}(1)$, $\text{N}(14)$, $\text{O}(16)$, $\text{Na}(23)$, $\text{Cl}(35,5)$

Câu 14: X là một aminoaxit no chỉ chứa 1 nhóm -NH₂ và 1 nhóm COOH. Cho 0,89 gam X tác dụng với HCl vừa đủ tạo ra 1,255 gam muối. Công thức cấu tạo của X là công thức nào sau đây?

A. H₂N-CH₂-COOH

B. CH₃-CH(NH₂)-COOH.

C. CH₃-CH(NH₂)-CH₂-COOH.

D. C₃H₇-CH(NH₂)-COOH

Câu 15: Để làm sạch ống nghiệm chứa anilin, ta thường rửa ống nghiệm bằng dung dịch nào trước khi rửa bằng nước

A Dung dịch NaOH

B Dung dịch HCl

C Dung dịch NaCl

D Xà phòng

Câu 16: Cacbohidrat là những hợp chất hữu cơ tạp chức và thường có công thức chung là

A. R(OH)_x(CHO)_y

B. C_xH_yO_z

C. C_n(H₂O)_m

D. C_nH₂O

Câu 17: ε - amino axit là amino axit mà nhóm amino gắn với carbon ở vị trí thứ mấy?

A 1

B 2

C 7

D 6.

Câu 18: Peptit sau: H₂NCH₂CONHCH(CH₃)CONHCH₂COOH được biểu diễn ở dạng nào dưới đây?

A. Gly-Ala-Gly

B. Gly-Gly-Ala

C. Ala-Gly-Gly

D. Ala-Gly-Ala

Câu 19: Số đồng phân tripeptit tạo thành từ 1 phân tử glyxin và 2 phân tử alanin là

A. 2.

B. 3.

C. 5.

D. 4.

Câu 20: Sau khi thủy phân không hoàn toàn tetrapeptit có công thức Val - Ala - Gly - Ala thu được tối đa bao nhiêu peptit có phản ứng màu biure?

A. 2

B. 1

C. 3.

D. 4.

Câu 21: Để trung hòa lượng axit tự do có trong 28 gam một mẫu chất béo cần 60 ml dung dịch KOH 0,05M. Chỉ số axit của mẫu chất béo trên là:

A. 4

B. 6

C. 5

D. 7

Câu 22: Cho 9 gam etylamin (C₂H₅NH₂) tác dụng vừa đủ với axit HCl khối lượng muối thu được là

A. 0,85 gam.

B. 7,65 gam.

C. 16,3 gam.

D. 8,1 gam.

Câu 23: Trong các hợp chất sau, hợp chất nào thuộc loại lipid?

A. (C₁₇H₃₃COO)₂(C₁₇H₃₁COO)C₃H₅

B. (C₁₇H₃₅CO)₂C₃H₅

C. (C₆H₅COO)₃C₃H₅

D. (C₂H₅COO)₃C₃H₅

Câu 24: Cho các dung dịch sau cùng nồng độ mol/l : NH₂CH₂COOH (1), CH₃COOH (2), CH₃CH₂NH₂ (3), NH₃ (4). Thứ tự độ pH tăng dần đúng là :

A. (2), (1), (4), (3)

B. (1), (2), (3), (4)

C. (1), (2), (4), (3)

D. (2), (1), (3), (4)

Câu 25: Cho axit salixylic (axit o-hiđroxibenzoic) phản ứng với metanol có axit sunfuric đặc làm xúc tác, thu được metyl salixylat (o-CH₃OOC-C₆H₄-OH) dùng làm thuốc xoa bóp giảm đau. Để phản ứng hoàn toàn với 30,4 gam metyl salixylat cần vừa đủ V lít dung dịch NaOH 0,5M. Giá trị của V là

A. 0,4.

B. 0,1.

C. 0,2.

D. 0,8

Câu 26: Tên thay thế của Valin là:

A Axit 2 – amino – 3 – metylbutanoic

B Axit 2 – aminopropanoic

C Axit α - aminoisovaleric

D Axit 1 – aminopentan – 1,4 – dioic

Câu 27 : Cho các chất hữu cơ: (1) CH₃COOH, (2) CH₃CH₂OH, (3) CH₃CH₂COOH, (4) HCOOCH₃. Thứ tự giảm dần nhiệt độ sôi là:

A. 3, 1, 4, 2

B. 1, 3, 2, 4

C. 4, 2, 1, 3

D. 3, 1, 2, 4

Câu 28: Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

A. CH₂=CHCOOCH₃.

B. CH₂=C(CH₃)COOCH₃.

C. C₆H₅CH=CH₂.

D. CH₃COOCH=CH₂.

Câu 29: CH₃COOCH=CH₂ có tên gọi là

A. Metyl acrylat

B. Vinyl axetat

C. Metyl propionat

D. Vinyl fommat

Câu 30: Để phân H₂N-CH₂-COOH; CH₃COOH; H₂N-(CH₂)₄CH(NH₂)COOH người ta dùng

A. Na.

B. NaOH.

C. quì tím.

D. HCl.

Cho Ag(108), C(12), H(1),N(14), O(16), Na(23),Cl(35,5)

Câu 1: Đốt hoàn toàn 7,4 gam este đơn chất X thu được 6,72 lít CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . Công thức phân tử của X là:

- A. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$ B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ D. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$

Câu 2: Chất **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là

- A. Toluene ($\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH}_3$). B. Stiren ($\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH=CH}_2$).
C. Propen ($\text{CH}_2\text{=CH-CH}_3$). D. Isopren ($\text{CH}_2\text{=C(CH}_3\text{)-CH=CH}_2$).

Câu 3: Để sản xuất 29,7 gam xenlulozơ trinitrat (H = 75%) bằng phản ứng giữa dung dịch HNO_3 60% với xenlulozơ thì khối lượng dung dịch HNO_3 cần dùng là:

- A. 42 kg B. 25,2 kg C. 31,5 kg D. 23,3 kg

Câu 4: Đun nóng 75 gam dung dịch glucozơ với lượng dư AgNO_3 trong dung dịch NH_3 , sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 12,96 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

- A. 11,4 % B. 14,4 % C. 13,4 % D. 12,4 %

Câu 5: Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dd KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol. Tên gọi của X là

- A. etyl fomiat. B. etyl propionat. C. etyl axetat. D. propyl axetat.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không đúng** là:

- A. Metylamin, đimetyl amin, trimetyl amin và etylamin là chất khí ở điều kiện thường.
B. Tơ nylon- 6,6 thuộc loại tơ poliamit.
C. Dung dịch saccarozơ không tham gia phản ứng tráng bạc.
D. Các peptit phản ứng với $\text{Cu(OH)}_2/\text{OH}^-$ tạo hợp chất có màu tím

Câu 7: Trong các loại tơ sau: tơ nylon-6,6; tơ tằm; tơ axetat; tơ capron; sợi bông; tơ enant (nylon-7); tơ visco. Số tơ tổng hợp là:

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 5

Câu 8 : Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 9: Trong công nghiệp để chuyển hóa dầu thực vật thành mỡ rắn nhằm thuận tiện cho việc vận chuyển, người ta sử dụng phản ứng nào dưới đây:

- A. Tách nước B. Hidro hóa C. Đè hidro hóa D. Xà phòng hóa

Câu 10: Số đồng phân amin có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ là

- A. 2. B. 4. C. 5. D. 3.

Câu 11: Trong các chất dưới đây, chất nào có lực bazơ mạnh nhất ?

- A. NH_3 B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{NH}_2$ C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ D. $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$

Câu 12 : Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng nào dưới đây?

- A. Phản ứng với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , đun nóng.
B. Phản ứng với dung dịch NaCl .
C. Phản ứng với Cu(OH)_2 ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
D. Phản ứng thủy phân trong môi trường axit.

Câu 13: Peptit sau: $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH(CH}_3\text{)CONHCH}_2\text{COOH}$ được biểu diễn ở dạng nào dưới đây?

- A. Gly-Ala-Gly B. Gly-Gly-Ala C. Ala-Gly-Gly D. Ala-Gly-Ala

Câu 14: Số đồng phân tripeptit tạo thành từ 1 phân tử glyxin và 2 phân tử alanin là

- A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 15: Sau khi thủy phân không hoàn toàn tetrapeptit có công thức Val - Ala - Gly - Ala thu được tối đa bao nhiêu peptit có phản ứng màu biure?

- A. 2 B. 1 C. 3. D. 4.

Câu 16: Để trung hòa lượng axit tự do có trong 28 gam một mẫu chất béo cần 60 ml dung dịch KOH 0,05M. Chỉ số axit của mẫu chất béo trên là:

- A. 4 B. 6 C. 5 D. 7

Câu 17 : Cho m gam hỗn hợp M gồm dipeptit X, tripeptit Y, tetrapeptit Z và pentapeptit T (đều mạch hở) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp Q gồm muối của Gly, Ala và Val. Đốt cháy hoàn toàn Q bằng một lượng oxi vừa đủ, thu lấy toàn bộ khí và hơi đem hấp thụ vào bình đựng nước vôi trong dư, thấy khối lượng bình tăng 14,47 gam và có 0,84 lít khí (đktc) thoát ra. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn m gam M, thu được 4,275 gam H₂O. Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

- A. 6,26 B. 6,08 C. 6,00 D. 5,98

Câu 18: X là một amino axit no chỉ chứa 1 nhóm -NH₂ và 1 nhóm COOH. Cho 0,89 gam X tác dụng với HCl vừa đủ tạo ra 1,255 gam muối. Công thức cấu tạo của X là công thức nào sau đây?

- A. H₂N-CH₂-COOH B. CH₃-CH(NH₂)-COOH.
C. CH₃-CH(NH₂)-CH₂-COOH. D. C₃H₇-CH(NH₂)-COOH

Câu 19: Để làm sạch ống nghiệm chứa anilin, ta thường rửa ống nghiệm bằng dung dịch nào trước khi rửa bằng nước.

- A Dung dịch NaOH B Dung dịch HCl C Dung dịch NaCl D Xà phòng

Câu 20: Cacbohidrat là những hợp chất hữu cơ tạp chức và thường có công thức chung là

- A. R(OH)_x(CHO)_y B. C_xH_yO_z C. C_n(H₂O)_m D. C_nH₂O

Câu 21: ε - amino axit là amino axit mà nhóm amino gắn với carbon ở vị trí thứ mấy?

- A 1 B 2 C 7 D 6.

Câu 22: Cho 9 gam etylamin (C₂H₅NH₂) tác dụng vừa đủ với axit HCl khối lượng muối thu được là

- A. 0,85 gam. B. 7,65 gam. C. 16,3 gam. D. 8,1 gam.

Câu 23: Trong các hợp chất sau, hợp chất nào thuộc loại lipid?

- A. (C₁₇H₃₃COO)₂(C₁₇H₃₁COO)C₃H₅ B. (C₁₇H₃₅CO)₂C₃H₅
C. (C₆H₅COO)₃C₃H₅ D. (C₂H₅COO)₃C₃H₅

Câu 24: Cho các dung dịch sau cùng nồng độ mol/l : NH₂CH₂COOH (1), CH₃COOH (2), CH₃CH₂NH₂ (3), NH₃ (4). Thứ tự độ pH tăng dần đúng là :

- A. (2), (1), (4), (3) B. (1), (2), (3), (4) C. (1), (2), (4), (3) D. (2), (1), (3), (4)

Câu 25: Cho axit salixylic (axit o-hiđroxibenzoic) phản ứng với metanol có axit sunfuric đặc làm xúc tác, thu được metyl salixylat (o-CH₃OOC-C₆H₄-OH) dùng làm thuốc xoa bóp giảm đau. Để phản ứng hoàn toàn với 30,4 gam metyl salixylat cần vừa đủ V lít dung dịch NaOH 0,5M. Giá trị của V là

- A. 0,4. B. 0,1. C. 0,2. D. 0,8

Câu 26: Tên thay thế của Valin là:

- A Axit 2 – amino – 3 – metylbutanoic B Axit 2 – aminopropanoic
C Axit α - aminoisovaleric D Axit 1 – aminopentan – 1,4 – dioic

Câu 27 : Cho các chất hữu cơ: (1) CH₃COOH, (2) CH₃CH₂OH, (3) CH₃CH₂COOH, (4) HCOOCH₃. Thứ tự **giảm dần** nhiệt độ sôi là:

- A. 3, 1, 4, 2 B. 1, 3, 2, 4 C. 4, 2, 1, 3 D. 3, 1, 2, 4

Câu 28: Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

- A. CH₂=CHCOOCH₃. B. CH₂=C(CH₃)COOCH₃.
C. C₆H₅CH=CH₂. D. CH₃COOCH=CH₂.

Câu 29: CH₃COOCH=CH₂ có tên gọi là

- A. Metyl acrylat B. Vinyl axetat C. Metyl propionat D. Vinyl fomate

Câu 30: Để phân H₂N-CH₂-COOH; CH₃COOH; H₂N-(CH₂)₄CH(NH₂)COOH người ta dùng

- A. Na. B. NaOH. C. quì tím. D. HCl.

Cho Ag(108), C(12), H(1), N(14), O(16), Na(23), Cl(35,5)

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không đúng** là:

- A. Metylamin, đimetyl amin, trimetyl amin và etylamin là chất khí ở điều kiện thường.
- B. Tơ nylon- 6,6 thuộc loại tơ poliamit.
- C. Dung dịch saccarozơ không tham gia phản ứng tráng bạc.
- D. Các peptit phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$ tạo hợp chất có màu tím

Câu 2: Trong các loại tơ sau: tơ nylon-6,6; tơ tằm; tơ axetat; tơ capron; sợi bông; tơ enant (nylon-7); tơ visco. Số tơ tổng hợp là:

- A. 3
- B. 2
- C. 4
- D. 5

Câu 3 : Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 4: Chất **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là

- A. toluen ($\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH}_3$).
- B. stiren ($\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH=CH}_2$).
- C. propen ($\text{CH}_2\text{=CH-CH}_3$).
- D. isopren ($\text{CH}_2\text{=C(CH}_3\text{)-CH=CH}_2$).

Câu 5: Tên thay thế của Valin là:

- A Axit 2 – amino – 3 – metylbutanoic
- B Axit 2 – aminopropanoic
- C Axit α - aminoisovaleric
- D Axit 1 – aminopentan – 1,4 – đioic

Câu 6 : Cho các chất hữu cơ: (1) CH_3COOH , (2) $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$, (3) $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOH}$, (4) HCOOCH_3 .

Thứ tự **giảm dần** nhiệt độ sôi là:

- A. 3, 1, 4, 2
- B. 1, 3, 2, 4
- C. 4, 2, 1, 3
- D. 3, 1, 2, 4

Câu 7: $\text{CH}_3\text{COOCH=CH}_2$ có tên gọi là

- A. Metyl acrylat
- B. Vinyl axetat
- C. Metyl propionat
- D. Vinyl fomat

Câu 8: Để phân $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$; CH_3COOH ; $\text{H}_2\text{N-(CH}_2\text{)}_4\text{CH(NH}_2\text{)COOH}$ người ta dùng

- A. Na.
- B. NaOH.
- C. quì tím.
- D. HCl.

Câu 9: Để sản xuất 29,7 gam xenlulozơ trinitrat ($\text{H} = 75\%$) bằng phản ứng giữa dung dịch HNO_3 60% với xenlulozơ thì khối lượng dung dịch HNO_3 cần dùng là:

- A. 42 kg
- B. 25,2 kg
- C. 31,5 kg
- D. 23,3 kg

Câu 10 : Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng nào dưới đây?

- A. Phản ứng với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , đun nóng.
- B. Phản ứng với dung dịch NaCl.
- C. Phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
- D. Phản ứng thủy phân trong môi trường axit.

Câu 11: Cho m gam hỗn hợp M gồm dipeptit X, tripeptit Y, tetrapeptit Z và pentapeptit T (đều mạch hở) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp Q gồm muối của Gly, Ala và Val. Đốt cháy hoàn toàn Q bằng một lượng oxi vừa đủ, thu lấy toàn bộ khí và hơi đem hấp thụ vào bình đựng nước vôi trong dư, thấy khối lượng bình tăng 14,47 gam và có 0,84 lít khí (đktc) thoát ra. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn m gam M, thu được 4,275 gam H_2O . Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

- A. 6,26
- B. 6,08
- C. 6,00
- D. 5,98

Câu 12: X là một aminoaxit no chỉ chứa 1 nhóm - NH_2 và 1 nhóm COOH . Cho 0,89 gam X tác dụng với HCl vừa đủ tạo ra 1,255 gam muối. Công thức cấu tạo của X là công thức nào sau đây?

- A. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$
- B. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)-COOH}$.
- C. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)-CH}_2\text{-COOH}$.
- D. $\text{C}_3\text{H}_7\text{-CH(NH}_2\text{)-COOH}$

Câu 13: Để làm sạch ống nghiệm chứa anilin, ta thường rửa ống nghiệm bằng dung dịch nào trước khi rửa bằng nước

- A Dung dịch NaOH
- B Dung dịch HCl
- C Dung dịch NaCl
- D Xà phòng

Câu 14: Trong công nghiệp để chuyển hóa dầu thực vật thành mỡ rắn nhằm thuận tiện cho việc vận chuyển, người ta sử dụng phản ứng nào dưới đây:

- A. Tách nước B. Hidro hóa C. Đe hidro hóa D. Xà phòng hóa

Câu 15: Peptit sau: $H_2NCH_2CONHCH(CH_3)CONHCH_2COOH$ được biểu diễn ở dạng nào dưới đây?

- A. Gly-Ala-Gly B. Gly-Gly-Ala C. Ala-Gly-Gly D. Ala-Gly-Ala

Câu 16: Số đồng phân tripeptit tạo thành từ 1 phân tử glyxin và 2 phân tử alanin là

- A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 17: Sau khi thủy phân không hoàn toàn tetrapeptit có công thức Val - Ala - Gly - Ala thu được tối đa bao nhiêu peptit có phản ứng màu biure?

- A. 2 B. 1 C. 3. D. 4.

Câu 18: Để trung hòa lượng axit tự do có trong 28 gam một mẫu chất béo cần 60 ml dung dịch KOH 0,05M. Chỉ số axit của mẫu chất béo trên là:

- A. 4 B. 6 C. 5 D. 7

Câu 19: Cho 9 gam etylamin ($C_2H_5NH_2$) tác dụng vừa đủ với axit HCl khối lượng muối thu được là

- A. 0,85 gam. B. 7,65 gam. C. 16,3 gam. D. 8,1 gam.

Câu 20: Trong các hợp chất sau, hợp chất nào thuộc loại lipid?

- A. $(C_{17}H_{33}COO)_2(C_{17}H_{31}COO)C_3H_5$ B. $(C_{17}H_{35}CO)_2C_3H_5$
C. $(C_6H_5COO)_3C_3H_5$ D. $(C_2H_5COO)_3C_3H_5$

Câu 21: Đun nóng 75 gam dung dịch glucozơ với lượng dư $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 , sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 12,96 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

- A. 11,4 % B. 14,4 % C. 13,4 % D. 12,4 %

Câu 22: Đốt hoàn toàn 7,4 gam este đơn chất X thu được 6,72 lít CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . CTPT của X là

- A. $C_3H_4O_2$ B. $C_3H_6O_2$ C. $C_4H_8O_2$ D. $C_3H_4O_2$

Câu 23: Cacbohidrat là những hợp chất hữu cơ tạp chức và thường có công thức chung là

- A. $R(OH)_x(CHO)_y$ B. $C_xH_yO_z$ C. $C_n(H_2O)_m$ D. C_nH_2O

Câu 24: ϵ - amino axit là amino axit mà nhóm amino gắn với cacbon ở vị trí thứ mấy?

- A 1 B 2 C 7 D 6.

Câu 25: Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức, mạch hở X với 100 ml dd KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol. Tên gọi của X là

- A. etyl fomiat. B. etyl propionat. C. etyl axetat. D. propyl axetat.

Câu 26: Số đồng phân amin có công thức phân tử C_3H_9N là

- A. 2. B. 4. C. 5. D. 3.

Câu 27: Trong các chất dưới đây, chất nào có lực bazơ mạnh nhất ?

- A. NH_3 B. $C_6H_5CH_2NH_2$ C. $C_6H_5NH_2$ D. $(CH_3)_2NH$

Câu 28: Cho các dung dịch sau cùng nồng độ mol/l : NH_2CH_2COOH (1), CH_3COOH (2), $CH_3CH_2NH_2$ (3), NH_3 (4). Thứ tự độ pH tăng dần đúng là :

- A. (2), (1), (4), (3) B. (1), (2), (3), (4) C. (1), (2), (4), (3) D. (2), (1), (3), (4)

Câu 29: Cho axit salixylic (axit o-hiđroxibenzoic) phản ứng với metanol có axit sunfuric đặc làm xúc tác, thu được metyl salixylat ($o-CH_3OOC-C_6H_4-OH$) dùng làm thuốc xoa bóp giảm đau. Để phản ứng hoàn toàn với 30,4 gam metyl salixylat cần vừa đủ V lít dung dịch NaOH 0,5M. Giá trị của V là

- A. 0,4. B. 0,1. C. 0,2. D. 0,8

Câu 30: Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

- A. $CH_2=CHCOOCH_3$. B. $CH_2=C(CH_3)COOCH_3$.
C. $C_6H_5CH=CH_2$. D. $CH_3COOCH=CH_2$.

Cho Ag(108), C(12), H(1),N(14), O(16), Na(23),Cl(35,5)

Câu 1: ϵ - amino axit là amino axit mà nhóm amino gắn với cacbon ở vị trí thứ mấy?

- A 1 B 2 C 7 D 6.

Câu 2: Chất **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là

- A. toluen ($C_6H_5-CH_3$). B. stiren ($C_6H_5-CH=CH_2$).
C. propen ($CH_2=CH-CH_3$). D. isopren ($CH_2=C(CH_3)-CH=CH_2$).

Câu 3: Tên thay thế của Valin là:

- A Axit 2 – amino – 3 – metylbutanoic B Axit 2 – aminopropanoic
C Axit α - aminoisovaleric D Axit 1 – aminopentan – 1,4 – dioic

Câu 4 : Cho các chất hữu cơ: (1) CH_3COOH , (2) CH_3CH_2OH , (3) CH_3CH_2COOH , (4) $HCOOCH_3$.

Thứ tự **giảm dần** nhiệt độ sôi là:

- A. 3, 1, 4, 2 B. 1, 3, 2, 4 C. 4, 2, 1, 3 D. 3, 1, 2, 4

Câu 5: Cacbohidrat là những hợp chất hữu cơ tạp chức và thường có công thức chung là

- A. $R(OH)_x(CHO)_y$ B. $C_xH_yO_z$ C. $C_n(H_2O)_m$ D. C_nH_2O

Câu 6: $CH_3COOCH=CH_2$ có tên gọi là

- A. Metyl acrylat B. Vinyl axetat C. Metyl propionat D. Vinyl fomate

Câu 7: Để phân H_2N-CH_2-COOH ; CH_3COOH ; $H_2N-(CH_2)_4CH(NH_2)COOH$ người ta dùng

- A. Na. B. NaOH. C. quì tím. D. HCl.

Câu 8: Để sản xuất 29,7 gam xenlulozơ trinitrat (H = 75%) bằng phản ứng giữa dung dịch HNO_3 60% với xenlulozơ thì khối lượng dung dịch HNO_3 cần dùng là:

- A. 42 kg B. 25,2 kg C. 31,5 kg D. 23,3 kg

Câu 9: Cho 9 gam etylamin ($C_2H_5NH_2$) tác dụng vừa đủ với axit HCl khối lượng muối thu được là

- A. 0,85 gam. B. 7,65 gam. C. 16,3 gam. D. 8,1 gam.

Câu 10: Trong các hợp chất sau, hợp chất nào thuộc loại lipid?

- A. $(C_{17}H_{33}COO)_2(C_{17}H_{31}COO)C_3H_5$ B. $(C_{17}H_{35}CO)_2C_3H_5$
C. $(C_6H_5COO)_3C_3H_5$ D. $(C_2H_5COO)_3C_3H_5$

Câu 11: Trong các chất dưới đây, chất nào có lực bazơ mạnh nhất ?

- A. NH_3 B. $C_6H_5CH_2NH_2$ C. $C_6H_5NH_2$ D. $(CH_3)_2NH$

Câu 12: Cho các dung dịch sau cùng nồng độ mol/l : NH_2CH_2COOH (1), CH_3COOH (2), $CH_3CH_2NH_2$ (3), NH_3 (4). Thứ tự độ pH tăng dần đúng là :

- A. (2), (1), (4), (3) B. (1), (2), (3), (4) C. (1), (2), (4), (3) D. (2), (1), (3), (4)

Câu 13: Cho axit salixylic (axit o-hiđroxibenzoic) phản ứng với metanol có axit sunfuric đặc làm xúc tác, thu được metyl salixylat ($o-CH_3OOC-C_6H_4-OH$) dùng làm thuốc xoa bóp giảm đau. Để phản ứng hoàn toàn với 30,4 gam metyl salixylat cần vừa đủ V lít dung dịch NaOH 0,5M. Giá trị của V là

- A. 0,4. B. 0,1. C. 0,2. D. 0,8

Câu 14: Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

- A. $CH_2=CHCOOCH_3$. B. $CH_2=C(CH_3)COOCH_3$.
C. $C_6H_5CH=CH_2$. D. $CH_3COOCH=CH_2$.

Câu 15: Đun nóng 75 gam dung dịch glucozơ với lượng dư $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 , sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 12,96 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

- A. 11,4 % B. 14,4 % C. 13,4 % D. 12,4 %

Câu 16 : Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng nào dưới đây?

- A. Phản ứng với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , đun nóng.
B. Phản ứng với dung dịch NaCl.
C. Phản ứng với $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
D. Phản ứng thủy phân trong môi trường axit.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không đúng** là:

A. Metylamin, đimetyl amin, trimetyl amin và etylamin là chất khí ở điều kiện thường.

B. Tơ nylon- 6,6 thuộc loại tơ poliamit.

C. Dung dịch saccarozơ không tham gia phản ứng tráng bạc.

D. Các peptit phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$ tạo hợp chất có màu tím

Câu 18: Trong các loại tơ sau: tơ nylon-6,6; tơ tằm; tơ axetat; tơ capron; sợi bông; tơ enant (nylon-7); tơ visco. Số tơ tổng hợp là:

A. 3 B. 2 C. 4 D. 5

Câu 19: Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 20: Cho m gam hỗn hợp M gồm dipeptit X, tripeptit Y, tetrapeptit Z và pentapeptit T (đều mạch hở) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp Q gồm muối của Gly, Ala và Val. Đốt cháy hoàn toàn Q bằng một lượng oxi vừa đủ, thu lấy toàn bộ khí và hơi đem hấp thụ vào bình đựng nước vôi trong dư, thấy khối lượng bình tăng 14,47 gam và có 0,84 lít khí (đktc) thoát ra. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn m gam M, thu được 4,275 gam H_2O . Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 6,26 B. 6,08 C. 6,00 D. 5,98

Câu 21: X là một aminoaxit no chỉ chứa 1 nhóm $-\text{NH}_2$ và 1 nhóm COOH . Cho 0,89 gam X tác dụng với HCl vừa đủ tạo ra 1,255 gam muối. Công thức cấu tạo của X là công thức nào sau đây?

A. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$

B. $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$.

C. $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{CH}_2-\text{COOH}$.

D. $\text{C}_3\text{H}_7-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$

Câu 22: Để làm sạch ống nghiệm chứa anilin, ta thường rửa ống nghiệm bằng dung dịch nào trước khi rửa bằng nước

A Dung dịch NaOH

B Dung dịch HCl

C Dung dịch NaCl

D Xà phòng

Câu 23: Trong công nghiệp để chuyển hóa dầu thực vật thành mỡ rắn nhằm thuận tiện cho việc vận chuyển, người ta sử dụng phản ứng nào dưới đây:

A. Tách nước

B. Hidro hóa

C. Đè hidro hóa

D. Xà phòng hóa

Câu 24: Peptit sau: $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}(\text{CH}_3)\text{CONHCH}_2\text{COOH}$ được biểu diễn ở dạng nào dưới đây?

A. Gly-Ala-Gly

B. Gly-Gly-Ala

C. Ala-Gly-Gly

D. Ala-Gly-Ala

Câu 25: Số đồng phân tripeptit tạo thành từ 1 phân tử glyxin và 2 phân tử alanin là

A. 2.

B. 3.

C. 5.

D. 4.

Câu 26: Sau khi thủy phân không hoàn toàn tetrapeptit có công thức Val - Ala - Gly - Ala thu được tối đa bao nhiêu peptit có phản ứng màu biure?

A. 2

B. 1

C. 3.

D. 4.

Câu 27: Để trung hòa lượng axit tự do có trong 28 gam một mẫu chất béo cần 60 ml dung dịch KOH 0,05M. Chỉ số axit của mẫu chất béo trên là:

A. 4

B. 6

C. 5

D. 7

Câu 28: Đốt hoàn toàn 7,4 gam este đơn chất X thu được 6,72 lít CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . CTPT của X là

A. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$

B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$

C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$

D. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$

Câu 29: Thủy phân hoàn toàn 8,8 gam este đơn chức , mạch hở X với 100 ml dd KOH 1M (vừa đủ) thu được 4,6 gam một ancol. Tên gọi của X là

A. etyl fomiat.

B. etyl propionat.

C. etyl axetat.

D. propyl axetat.

Câu 30: Số đồng phân amin có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ là

A. 2.

B. 4.

C. 5.

D. 3.

Cho Ag(108), C(12), H(1),N(14), O(16), Na(23),Cl(35,5)